TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số:14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2018
"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tường - Ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Ông Hồ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:66/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/6/1983.

Địa chỉ cư trú: xóm 5, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh ngày 22/02/1975.

Địa chỉ cư trú: xóm 5, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ tòa thì vụ án có nội dung :

Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn T, tổ chức cưới nhau vào tháng 9/2003. Trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu việc dẫn tới kết hôn nhân là tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương được sự đồng ý của hai gia đình. Trước khi cưới vợ chồng đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:110 ngày 16/10/2003. Sau khi cưới và đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên

rượu chè, bài bạc, ghen tuông vợ một cách vô cớ. Do vậy anh T thường xuyên kiếm cớ gây chuyện chửi bới, thậm chỉ còn đánh đập chị Q nhiều lần, có lần đánh đập chị Q phải nhập viện điều trị khâu vết thương. Mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra thường xuyên trong cuộc sống chung dẫn đến vợ chồng bất đồng, bất hòa, gây khó chịu cho nhau làm mất tình cảm vợ chồng. Do nguyên nhân mâu thuẫn nên vợ chồng cự cải, có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Nhưng lúc này chị Q chưa muốn làm thủ tục ly hôn đối với anh T vì chị Q thương con và mong muốn níu kéo hôn nhân. Việc níu kéo hôn nhân của chị Q không đưa lại kết quả gì, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc hơn. Tháng 8/2015 mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra đỉnh điểm chị Q đã bỏ về bên ngoại, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chị Q xác định hôn nhân giữa chị và anh T đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể hàn gắn đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, chị Nguyễn Thị Q đề nghị Tòa giải quyết cho tôi ly hôn anh Phạm Văn T để ổn định cuộc sống.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 06/8/2004 và Phạm Gia B, sinh ngày 05/7/2010. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, con chung đang được anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Q đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên. Nếu ly hôn chị Q đề nghị hỏi ý kiến của con và giải quyết nuôi con theo qui định của pháp luật. Trường hợp các con có nguyện vọng được sinh sống với anh T thì chị Q cũng nhất trí và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.400.000 đồng

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Phạm Văn T không hợp tác để giải quyết vụ án,Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tại liệu chứng cứ do chị Nguyễn Thị Q cung cấp, xác minh tại địa phương và trình bày của chị Nguyễn Thị Q tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị Q đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28 điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách người tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án. Tổ chức mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại điều 204; 208; 209; 210; 211 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 220 của

BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng đầy đủ qui định tại điều 70 và điều 71 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS.

- Về nội dung: Với các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng yêu cầu của của chị Nguyễn Thị Q đề nghị giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con đối với anh Phạm Văn T là có căn cứ. Căn cứ các Điều 56, 81; 82; 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T. Giao hai con chung của vợ chồng cho anh Phạm Văn T tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Q.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Nguyễn Thị Q, anh Phạm Văn T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có mặt, bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định thời gian xét xử lần thứ hai và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị Q và anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn T đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị Q và anh T là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 110 ngày 16/10/2003 từ đó khẳng định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q và anh T đã xẩy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong

hôn nhân, thiếu niềm tin đối với nhau trong quan hệ tình cảm, đã cự cải, chồng đánh đập vợ, các bên đã xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất tình cảm hôn nhân đổ vỡ. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, hôn nhân của chị Q và anh T đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được anh Phạm Văn T tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh đã nuôi dạy hai con tốt, phát triển bình thường về mọi mặt, thể hiện người bố có trách nhiệm cao đối với con chung. Quá trình lấy lời khai hai con chung của vợ chồng thì các cháu đều có nguyện vọng sống trực tiếp với bố. Do vậy cần giao hai con chung cho anh Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng.

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Phạm Văn T mỗi tháng 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) là phù hợp với đạo đức xã hội và pháp luật, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Văn T.

* Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Phạm Hoàng A(Giới tính: nam) sinh ngày 06/8/2004 và Phạm Gia B(Giới tính: nam), sinh ngày 05/7/2010 cho anh Phạm Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Q có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Phạm Xuân T mỗi tháng 1.400.000đ(Một triệu, bốn trăm nghìn đồng), mỗi cháu

700.000đ(Bảy trăm nghìn đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 4/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt nam qui định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

*Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc**:** Buộc chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm . Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0006779 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị Q còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án do tòa án tống đạt.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA